

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP LỒNG TIẾNG VIDEO ĐỂ CẢI THIỆN PHÁT ÂM TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM NHẤT KHÔNG CHUYÊN TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THU¹
NGÔ PHƯƠNG ANH²

Abstract: This article presents research results in applying video dubbing in speaking classes to improve English pronunciation for first-year non-English majored students at a university in Hanoi. An action research project was conducted with the participation of 30 first-year students specialized in Logistics and Supply Chain. The study used two main data collection tools, i.e., tests and student learning diaries. Students were required to complete two pronunciation tests before and after the video dubbing method was applied. In addition, after each video dubbing session, the students were asked to write down their feelings about the dubbing experience in their diaries. The results show that video dubbing activities helped students improve their pronunciation skills and created interest for students when learning English pronunciation. The study also offers some suggestions to help teachers teach pronunciation skills more effectively.

Keywords: *Teaching pronunciation, video dubbing, using the video dubbing method, learning pronunciation, practicing pronunciation skills.*

1. Đặt vấn đề

Trong thời kì phát triển và hội nhập như hiện nay, tiếng Anh được sử dụng như một ngôn ngữ chính thức của gần 60 quốc gia và đang được hàng trăm triệu người trên thế giới sử dụng. Do đó, nhu cầu học tiếng Anh ngày càng tăng và nó được coi là một môn học quan trọng tại hầu hết các trường học hiện nay ở Việt Nam, cũng như nhiều nước trên thế giới.

Trong bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh, kĩ năng nói được xem như một kĩ năng quan trọng nhất bởi một người nói được ngôn ngữ nào đó được coi như là đã thành công trong việc học ngôn ngữ đó [7]. Tuy nhiên, thực trạng học tiếng Anh của sinh viên (SV) ở Việt Nam cho thấy khả năng nói tiếng Anh của SV là một vấn đề đáng quan tâm nhất, bởi rất nhiều trong số đó đã được học tiếng Anh nhiều năm nhưng vẫn không thể giao tiếp bằng ngôn ngữ này. Nhiều SV có kĩ năng nghe, đọc, viết khá tốt nhưng lại gặp khó khăn với kĩ năng nói. Một trong số những nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả giao tiếp đó là vấn đề phát âm, các bạn SV này thường xuyên bỏ phụ âm cuối, nói không có trọng âm, không có ngữ điệu và quên nối âm trong câu,... Các lỗi này có thể khiến việc diễn đạt không rõ ràng, dễ gây ra hiểu nhầm không đáng có. Chính vì vậy, nhóm tác giả mong muốn đề xuất bổ sung thêm hoạt động lồng tiếng video để cải thiện phát âm tại những lớp học nói cho SV.

Những năm gần đây, có rất nhiều phương pháp học tập ngoại ngữ hiệu quả, một trong số đó có phương pháp lồng tiếng video bằng tiếng Anh để dạy kĩ năng phát âm. Lồng tiếng video được cho là một phương pháp có hiệu quả cao giúp người học nâng cao khả năng nghe - nói bằng cách nghe nhiều lần sau đó đọc lại những đoạn hội thoại trong phim sao cho giống với nhân vật nhất. Những nghiên cứu trước đây đã cho thấy việc lồng tiếng video trong việc học ngoại ngữ có thể cải thiện được vốn từ vựng, độ trôi chảy khi nói và phát âm. Hơn nữa, việc lồng tiếng những bộ phim, video hay các chương trình trên TV giúp người học giảm áp lực học tập và giúp việc học của họ trở lên thú vị hơn.

Vì những lí do trên, nhóm tác giả quyết định tiến hành nghiên cứu chủ đề này. Để đánh giá tác động của hoạt động lồng tiếng video, nhóm nghiên cứu đặt ra hai mục tiêu nghiên cứu chính đó là: (1) đánh giá

¹ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

² Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

tác động của việc sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video đối với việc cải thiện phát âm của SV năm nhất không chuyên tại một trường đại học và (2) Tìm hiểu thái độ của SV khi tham gia hoạt động lồng tiếng video trong những lớp học nói.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Phát âm và những khía cạnh của phát âm

2.1.1. Phát âm

Phát âm tiếng Anh là việc tạo ra chuỗi các âm thanh trong đó có các âm thanh riêng lẻ, trọng âm, ngữ điệu nhằm giúp con người đạt mục đích giao tiếp bằng lời nói. Đây là một phần của quá trình giao tiếp có sự tương tác phức tạp của các yếu tố cảm nhận âm thanh, phát ra âm thanh và tương tác âm thanh với đặc điểm cụ thể về âm, giọng nói và trọng âm, ngữ điệu [9]. Đối với việc thụ đắc ngôn ngữ, đây được cho một trong những kỹ năng khó tiếp thu nhất và người học cần dành nhiều thời gian để luyện tập [5]. Thành thạo kỹ năng phát âm là một trong những yêu cầu cơ bản của việc học ngoại ngữ và đây cũng là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của việc giảng dạy ngôn ngữ.

2.1.2. Nguyên âm và phụ âm

Trong cuốn *Ngữ âm - Âm vị tiếng Anh (English phonetics and phonology)*, tác giả Peter Roach cho rằng âm trong tiếng Anh được chia làm 2 loại: nguyên âm và phụ âm.

Nguyên âm là những dao động của thanh quản hay những âm mà khi phát âm luồng khí từ thanh quản đi ra không bị cản trở, do đó không có sự tích lũy áp suất không khí trên bất cứ điểm nào ở thanh môn (trong ngữ âm học). Đối lập với nguyên âm, phụ âm có vài vị trí bị thất lại hoặc bị đóng trên thanh quản.

Nguyên âm và phụ âm có chức năng khác nhau trong một âm tiết. Nguyên âm có thể đứng riêng biệt hay đứng trước hoặc sau các phụ âm để tạo thành tiếng trong lời nói còn phụ âm chỉ tạo được tiếng nếu như được ghép lại với nguyên âm.

2.1.3. Trọng âm của từ

Trong tiếng Anh, những từ có hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết phát âm khác biệt hẳn so với những âm tiết còn lại về độ dài, độ lớn và độ cao. Khi một từ tiếng Anh có nhiều hơn một âm tiết thì bao giờ một trong số các âm tiết đó cũng nổi trội hơn so với các âm tiết còn lại (được phát âm to hơn, giữ nguyên âm lâu hơn, phụ âm được phát âm rõ ràng hơn). Những đặc điểm này làm cho âm tiết đó mang trọng âm.

2.1.4. Ngữ điệu

Lời nói cũng giống như âm nhạc, trong đó có sự thay đổi về cường độ hay mức độ giọng nói: người nói có thể thay đổi cường độ giọng nói khi họ phát ngôn, làm cho nó cao hơn hoặc thấp hơn tùy ý. Do vậy, có thể nói rằng lời nói cũng có giai điệu, gọi là ngữ điệu.

2.2 Phương pháp dạy kỹ năng phát âm tiếng Anh

Có rất nhiều kỹ thuật dạy phát âm tiếng Anh khác nhau mà Celce-Murcia và cộng sự [3] đã tổng hợp lại trong cuốn *Teaching pronunciation*, ví dụ: (1) Lắng nghe và bắt chước, đây là phương pháp người học lắng nghe giáo viên và lặp lại hoặc bắt chước. Kỹ thuật này đã được nâng cao nhờ việc sử dụng máy ghi âm, phòng học tiếng và máy ghi hình; (2) Luyện ngữ âm, phương pháp này sử dụng mô tả cấu tạo âm, sơ đồ cấu tạo âm và bảng chữ cái ngữ âm; (3) Các bài tập về cặp âm vị tối thiểu - một kỹ thuật được sử dụng để giúp người học phân biệt các âm thanh tương tự và âm mà người học dễ phát âm sai trong ngôn ngữ đích thông qua việc thực hành phân biệt âm và thực hành nói. Ngoài ra còn nhiều phương pháp khác như các cặp tối thiểu được ngữ cảnh hóa, đồ dùng trực quan, sử dụng những câu nói lưu lười, thực hành thay đổi nguyên âm, trọng âm bằng cách dùng phụ tố, đọc to, ghi âm quá trình nói của người học. Trong nghiên cứu này nhóm tác giả muốn sử dụng một phương pháp mới đó là sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video nhằm giúp cải thiện kỹ năng phát âm của người học.

2.3. Phương pháp lồng tiếng video trong việc dạy kỹ năng phát âm tiếng Anh

Lồng tiếng là quá trình sản xuất ghi âm và thay thế tiếng nói trên một hình ảnh chuyển động hoặc nhạc phim truyền hình sau khi chụp ban đầu. Thuật ngữ này thường đề cập đến việc thay thế tiếng nói của các diễn viên được hiển thị trên màn hình của người biểu diễn khác nhau, những người có thể nói một ngôn ngữ khác nhau. Theo Burston [1], lồng tiếng phim là thay giọng nói của người học vào những thu âm có sẵn và là cơ hội tuyệt vời để phát triển kỹ năng học ngôn ngữ cho người học ở mọi trình độ. Kỹ thuật này giúp người học cải thiện được kỹ năng giao tiếp, giảm áp lực học tập và khiến việc học phát âm trở nên thú vị hơn. Khi lồng tiếng, người thực hiện phải lồng tiếng sao cho khớp với cử động môi của diễn viên. Tương tự, khi người học lồng tiếng video bằng tiếng Anh thì việc lồng tiếng phải khớp với hội thoại của nhân vật và ngữ điệu trong video gốc.

Bên cạnh đó, lồng tiếng là cơ hội cho SV nghe lại nhiều lần video mà mình lồng tiếng để nắm bắt được lời thoại và ngữ điệu của nhân vật. Việc nghe và quay lại video lồng tiếng nhiều lần không chỉ giúp SV cải thiện kỹ năng phát âm mà còn cải thiện kỹ năng nghe hiểu, tăng vốn từ vựng và ngữ pháp.

Dựa trên quy trình lồng tiếng video của các tác giả Karimzadeh và Ghahroudi [6], nhóm nghiên cứu đã tạo ra các bước dạy lồng tiếng video của riêng mình tập trung vào việc cải thiện khả năng phát âm nói như sau:

- 1) Giáo viên ôn tập kiến thức về một số khía cạnh cơ bản của phát âm một cách chi tiết (bao gồm nguyên âm và phụ âm, ngữ điệu, trọng âm của từ và nối âm).
- 2) Giáo viên đưa ra các ví dụ với một số từ và câu nhất định trong video sau đó yêu cầu SV đọc thành tiếng. Hoạt động này có thể giúp SV luyện phát âm.
- 3) Giáo viên giải thích về việc sử dụng lồng tiếng video để cải thiện khả năng phát âm.
- 4) Giáo viên yêu cầu SV thực hành lồng tiếng với video có sẵn phụ đề. Hoạt động này có thể giúp SV cải thiện khả năng phát âm và độ trôi chảy.
- 5) Giáo viên yêu cầu SV tự chép lời thoại từ video gốc để thực hành lồng tiếng cho video. Hoạt động này có thể giúp cải thiện ngữ pháp, từ vựng và khả năng nghe hiểu của SV.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu, tác giả đã chọn nghiên cứu hành động để tiếp cận nghiên cứu giáo dục này. Clark và cộng sự [2] đã phát biểu rằng nghiên cứu hành động giúp các nhà nghiên cứu khám phá được các sáng kiến mới, hoặc thậm chí các phương pháp mới và giúp họ học hỏi, đánh giá và phản ánh vấn đề một cách khách quan. Theo đó, nhóm tác giả thấy rằng nghiên cứu hành động phù hợp mục đích nghiên cứu của mình. Chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu hành động để tìm hiểu xem liệu video lồng tiếng có cải thiện khả năng phát âm của SV hay không.

Bài viết sử dụng mô hình nghiên cứu hành động của tác giả McBride và Schostak [8] để tiến hành nghiên cứu này trong đó có 7 bước: (1) xác định vấn đề, (2) thu thập số liệu, (3) phân tích vấn đề, (4) lập kế hoạch, (5) triển khai kế hoạch, (6) thu thập số liệu để theo dõi sự thay đổi, (7) phân tích và đánh giá số liệu.

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp lồng tiếng video như bài tập về nhà cho 30 SV năm thứ nhất không chuyên tiếng Anh tại một trường đại học tại Hà Nội. Khóa học kéo dài trong 10 tuần (4 tiết/tuần). Lồng tiếng video được sử dụng như một hoạt động bổ sung cho các lớp học kỹ năng nói. Do hai tuần đầu được dùng để thu thập và phân tích dữ liệu nên nhóm tác giả đã thiết kế kế hoạch triển khai hoạt động lồng tiếng video như một bài tập về nhà từ tuần ba. Ở bốn tiết học đầu tiên của tuần ba, tác giả đã tích hợp dạy phát âm với giáo trình *English for Business 2* giúp học viên củng cố kiến thức về phát âm. Trong các tuần tiếp theo, SV đã làm các video lồng tiếng ở nhà và lần lượt nộp các video đó vào tuần 4, 6 và 8 với thời lượng dài hơn.

3.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng tham gia bao gồm 30 SV năm nhất khối ngành Logistic và chuỗi cung ứng tại một trường đại học ở Việt Nam. Các SV đã hoàn thành xong một khóa tiếng Anh chuyên ngành đầu tiên và đủ điều kiện tham gia khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp theo.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

3.3.1. Bài kiểm tra

Bài kiểm tra trước và sau khóa học được sử dụng để đánh giá tác động của hoạt động lồng tiếng đối với kỹ năng phát âm của người học. Nhóm tác giả điều chỉnh và sử dụng bài kiểm tra phát âm của trường đại học nơi thực hiện nghiên cứu. Có 3 phần trong bài kiểm tra phát âm bao gồm đọc 20 từ đơn, đọc 10 câu và nói tự do với 4 tiêu chí đánh giá âm thanh và trọng âm của từ, liên kết, trọng âm câu và ngữ điệu. Phần đầu tiên giúp giám khảo đánh giá khả năng phát âm các nguyên âm, phụ âm và trọng âm của từ của SV. Phần thứ hai nhằm mục đích kiểm tra các khía cạnh của ngữ điệu và từ nối. Số điểm cho mỗi tiêu chí được phân bổ như sau: âm thanh (nguyên âm và phụ âm): 10 điểm; Trọng âm của từ: 10 điểm; Ngữ điệu: 10 điểm, Liên kết từ: 10 điểm. Bài kiểm tra được chấm bởi giáo viên tại nơi nghiên cứu. Giáo viên này đã có chứng chỉ Quốc tế TEFL và năm năm kinh nghiệm trong việc dạy phát âm.

3.3.2. Báo cáo phản hồi

Nhóm nghiên cứu sử dụng công cụ Báo cáo phản hồi để thu thập dữ liệu nhằm tìm hiểu thái độ của người học với hoạt động lồng tiếng video. SV được chỉ định viết nhật ký sau mỗi lần họ tạo video lồng tiếng. Nhóm tác giả đã thu thập và xem lại nhật ký của SV sau mỗi hoạt động. Báo cáo bao gồm 2 câu hỏi mở về cảm nhận của SV về việc sử dụng lồng tiếng video để cải thiện khả năng phát âm và câu hỏi thứ hai được hỏi SV về lý do tại sao họ có cảm thấy như vậy. Tất cả các báo cáo phản hồi được viết bằng tiếng Việt sau đó được dịch sang tiếng Anh bởi người dịch có kinh nghiệm.

3.4. Quy trình xử lý dữ liệu

Trong nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để phân tích dữ liệu thống kê. Phương pháp kiểm định t (T-test) được sử dụng để xác định sự khác biệt giữa hai bài kiểm tra.

Tác giả đã so sánh kết quả của bài kiểm tra trước và sau khi sử dụng phương pháp lồng tiếng để tìm hiểu xem cách phát âm của học sinh đã thay đổi như thế nào ở từng tiêu chí. Điểm của từng tiêu chí đánh giá trong 2 bài kiểm tra được so sánh theo công thức dưới đây:

Điểm đạt được (cải thiện) = Điểm của bài kiểm tra sau - Điểm của bài kiểm tra trước

Có 2 trường hợp trong kết quả này:

Trường hợp 1: Nếu giá trị xác suất p nhỏ hơn hoặc bằng mức ý nghĩa thống kê 0,05 ($p \leq 0,05$), có thể hiểu rằng lồng tiếng video có tác động đến việc cải thiện khả năng phát âm của SV năm thứ nhất không chuyên ngành tiếng Anh.

Trường hợp 2: Nếu giá trị xác suất p lớn hơn mức ý nghĩa thống kê 0,05 ($p > 0,05$), tác giả có thể kết luận rằng việc sử dụng lồng tiếng video không có tác dụng cải thiện khả năng phát âm của SV năm thứ nhất không chuyên ngành tiếng Anh.

Về báo cáo phản hồi, áp dụng phương pháp phân tích nội dung của Creswell (2012) để phân tích dữ liệu trong các báo cáo phản hồi của SV. Trong hướng dẫn của tác giả, có 6 bước để phân tích nội dung và tác giả đã áp dụng chúng như sau:

Bước 1: Sắp xếp và chuẩn bị dữ liệu. Tác giả đọc qua các báo cáo phản hồi của SV sau đó phân loại chúng.

Bước 2: Đọc chi tiết tất cả các ý kiến phản hồi nhiều lần để xác định ý chính. Tác giả thấy rằng các phản hồi của SV có hai xu hướng đối lập đó là tích cực và tiêu cực.

Bước 3: Tác giả bắt đầu mã hóa tất cả dữ liệu. Các khung phân cấp đã được sử dụng để sắp xếp các mã dựa trên ý kiến của học sinh về chủ đề này:

- Mã cấp độ đầu tiên: Mô tả chủ đề (việc sử dụng lồng tiếng video)
- Mã cấp độ thứ hai: Xác định phản hồi là tích cực hay tiêu cực
- Cấp độ thứ ba: Nêu chi tiết thuộc tính hoặc chủ đề cụ thể được liên kết với chủ đề.

Bước 4: Sử dụng dữ liệu đã được mã hóa để tổng hợp xem số lượng những ý kiến tích cực và tiêu cực

Bước 5: Trình bày chi tiết những báo cáo phản hồi đã được chuyển ngữ tương ứng với từng mã hiệu đã được mã hóa trong bước 3.

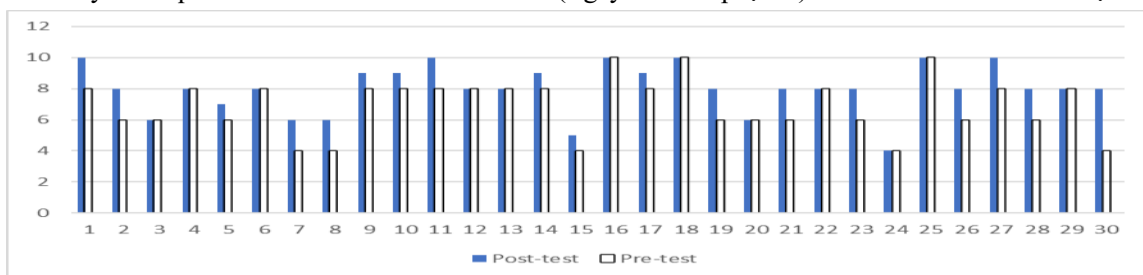
Bước 6: Trình bày và lý giải ý nghĩa của dữ liệu dựa trên mô hình phân tích đã được thiết lập ở bước 5.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu và thảo luận từ bài kiểm tra

4.1.1 Điểm phát âm

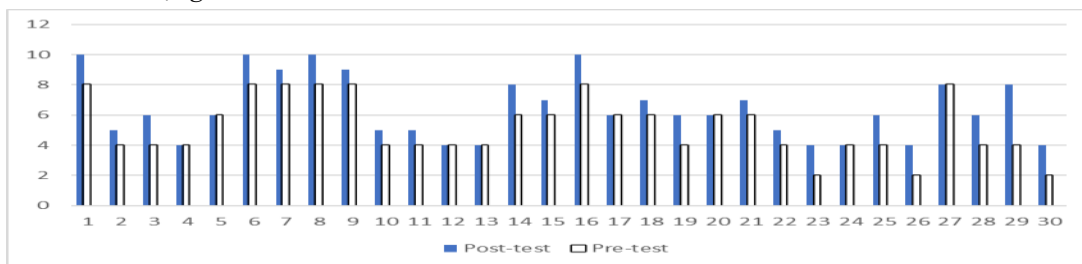
Dưới đây là kết quả của tiêu chí thứ nhất về thanh âm (nguyên âm và phụ âm) của SV trước và sau khóa học:



Biểu đồ 1. Điểm phát âm của SV trước (pre-test) và sau (post-test) khóa học.

Theo biểu đồ 1, xét về âm thanh (nguyên âm và phụ âm), có 23 SV (chiếm 73%) phát âm đúng hơn 80% số từ. Chỉ có một SV phát âm đúng dưới 50% từ. Ngoài ra, có 17 SV từ một đến hai điểm. Có một SV đã tăng đáng kể lên tới bốn điểm. Kết luận, có 12 SV vẫn duy trì điểm phát âm trước đó, trong khi 18 SV còn lại có điểm cao hơn bài kiểm tra trước.

4.1.2. Điểm trọng âm



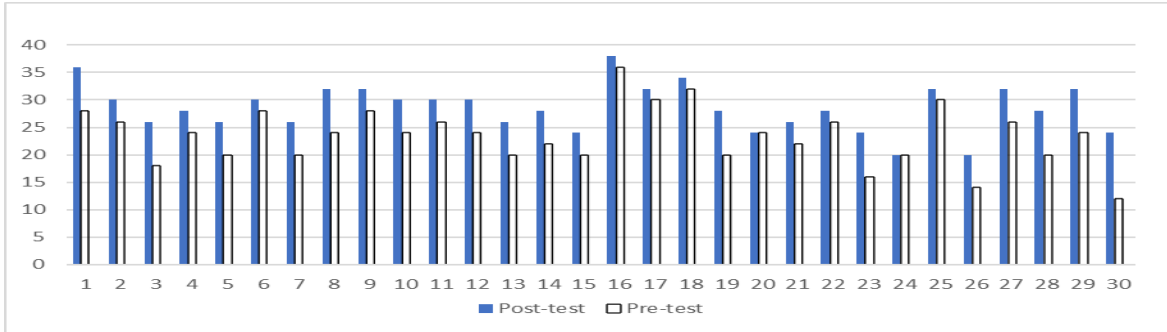
Biểu đồ 2. Điểm trọng âm trước (pre-test) và sau khóa học (post-test)

Từ kết quả trong biểu đồ 2, xét về trọng âm của từ, có 17 SV (chiếm 56%) đặt trọng âm đúng trên 70% số từ và bảy SV đặt trọng âm đúng dưới 50%. Điểm cao nhất của tiêu chí này ở bài kiểm tra sau khóa học là mười điểm và thấp nhất là bốn điểm trong khi đó bài kiểm tra trước khóa học lần lượt là mười điểm và hai điểm. Ngoài ra, có 17 SV có điểm tăng từ 1 đến 2 điểm so với điểm thi trước khóa học. Mặt khác, có 11 SV vẫn duy trì điểm số như bài kiểm tra trước khóa học.

4.2.3. Điểm ngữ điệu

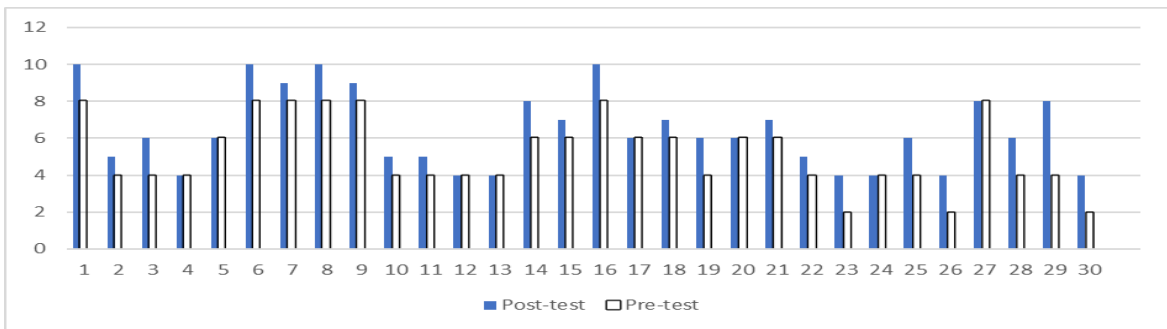
Trong phần 2 của bài kiểm tra, SV được giao nhiệm vụ đọc một đoạn văn khoảng 100 từ để kiểm tra ngữ điệu và các từ nối của SV. Về ngữ điệu, đánh giá và chấm điểm bài nói của SV dựa trên cách SV thể hiện ngữ điệu trong câu. Có thể thấy trong Biểu đồ 3, 63% SV đã có thể nói với ngữ điệu phù hợp trên 60% trong đoạn văn và có bảy SV có điểm dưới 5. Điểm cao nhất của tiêu chí này ở bài kiểm tra sau khóa học

là 10 điểm và thấp nhất là 4 điểm, và ở bài kiểm tra trước khóa học là lần lượt 8 điểm và 2 điểm. Hơn nữa, có 22 SV đạt điểm cao hơn trong bài thi cuối khóa, trong đó sáu SV tăng một điểm, 15 SV tăng từ hai điểm và một SV tăng bốn điểm. Ngược lại, có tám SV có điểm bằng với bài kiểm tra trước khóa học. Kết quả của tiêu chí được thể hiện như biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 3. Điểm ngữ điệu trước (pre-test) và sau khóa học (post-test)

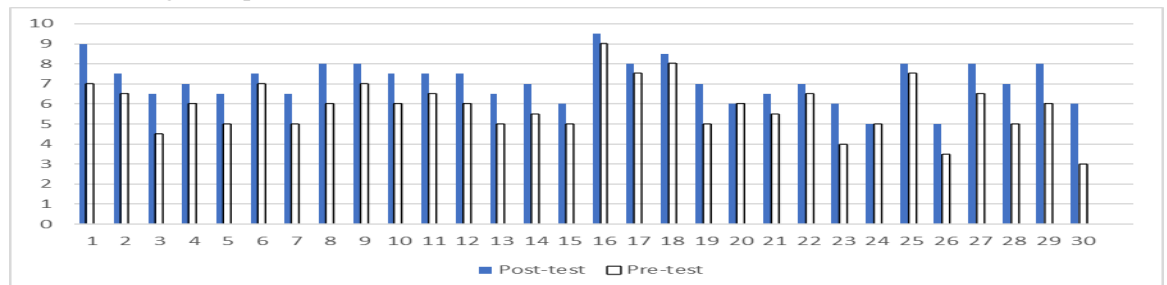
4.2.4. Điểm nối âm



Biểu đồ 4. Điểm nối âm trước (pre-test) và sau khóa học (post-test)

Xét về tiêu chí nối âm ở phần 2 trong bài kiểm tra, giáo viên cho điểm SV nếu họ nối âm giữa các từ một cách thích hợp (đặc biệt là phụ âm-nguyên âm). Ví dụ: *shapes and colors* → *shapes and colors* các từ *shapes* kết thúc bằng phụ âm /s/ và từ *and* bắt đầu bằng nguyên âm /a/, vì vậy hai từ này có thể được liên kết với nhau dưới dạng *shapesand* /ʃeɪpzaend/. Biểu đồ 4 cho thấy 22 SV có thể hoàn thành từ nối trong bài nói với tỉ lệ trên 60%. Hầu hết điểm bài kiểm tra sau khóa học của SV đều cao hơn điểm trước khóa học. Theo số liệu, có 15 SV có điểm cải thiện từ một đến hai điểm, hai SV cải thiện ba điểm và một SV cải thiện lên tới năm điểm so với điểm bài kiểm tra trước khóa học. Điểm cao nhất ở tiêu chí này của bài kiểm tra sau khóa học là mười và thấp nhất là hai, trong khi các giá trị tương ứng của bài kiểm tra trước khóa học là tám và hai điểm.

4.2.5. Tổng điểm phát âm



Biểu đồ 5. Điểm phát âm trước (pre-test) và sau khóa học (post-test)

Kết quả trước và sau khi tiến hành kiểm tra SV được thể hiện rõ trong biểu đồ số 5. Điểm tối đa bài kiểm sau khóa học là 38 điểm. Rõ ràng là kết quả của điểm sau khóa học đã được cải thiện so với điểm trước khóa học. Nhìn chung, có ba SV đạt điểm dưới trung bình ở bài kiểm tra trước khóa học nhưng không có SV nào ở bài kiểm tra sau khóa học. Số SV đạt điểm tốt (từ 32 điểm) tăng từ hai em lên chín em. Ngoài ra, có 12 SV đã cải thiện từ hai đến bốn điểm. Tám SV có điểm tăng từ năm đến bảy điểm. Đặc biệt có tám SV đạt điểm tăng từ tám đến 12 điểm. Tuy nhiên, có hai SV không có cải thiện về điểm số. Kết luận, sau khóa học, kết quả phát âm của SV có một sự cải thiện đáng kể. Điểm thi của hầu hết SV đều tăng và kết quả học tập ó dấu hiệu tiến bộ.

Ngoài ra, để xem điểm của SV có cải thiện hơn sau khi sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video hay không, dữ liệu thu được từ bài kiểm tra trước và sau được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để so sánh giá trị trung bình (means) của hai bài kiểm tra, tác giả đã sử dụng phương pháp kiểm định T-test bất cặp (paired sample T-test). Bảng dưới đây cung cấp dữ liệu mô tả sau khi thực hiện kiểm định.

	N	Mean		P
		Pre-test	Post-test	
Sounds	30	1.7330	2.0000	.000
Stress	30	1.4830	1.7583	.000
Intonation	30	1.3000	1.6083	.000
Linking	30	1.3330	1.6500	.000
Total	30	5.8490	7.0166	.000

Bảng Số liệu thống kê sau thử nghiệm T-test bất cặp của bài kiểm tra trước và sau

Kết quả đã cho thấy giá trị xác suất p nhỏ hơn mức ý nghĩa thống kê là 0.05. Do đó, tác giả có thể kết luận rằng kỹ thuật lồng tiếng video có tác động đến việc cải thiện phát âm cho SV.

4.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận từ báo cáo phản hồi

4.2.1. Thái độ tích cực đối với việc sử dụng lồng tiếng video

Thứ nhất, SV có thái độ tích cực đối với việc sử dụng lồng tiếng video để cải thiện khả năng phát âm. 22 SV (kí hiệu S1, S2, S3, S6,...) nêu ý kiến của họ rằng hoạt động lồng tiếng video rất thú vị vì họ có thể bắt chước các nhân vật yêu thích của họ trong phim. Hơn nữa, một số SV cho biết họ cảm thấy tự ý thức về vấn đề phát âm của họ và cảm nhận sự cải thiện trong việc sử dụng chiến lược học tập.

SV6: *Bắt chước các nhân vật trong video tiếng Anh làm em rất vui. Em cảm giác như mình có thể nói tiếng Anh như người bản xứ sau khi hoàn thành video lồng tiếng. (J1)*

SV26: *Lồng tiếng rất thú vị. Em không có cảm giác như mình đang học mà như đang thực hiện sở thích của mình. (J1)*

SV8: *Em rất thích bắt chước lời nói của các nhân vật trong video. Em nhận thấy tiếng Anh của mình đã được cải thiện rất nhiều từ hoạt động này, và hy vọng giáo viên có thể giao cho chúng em nhiều hoạt động giống như thế này hơn (J3)*

Thứ hai, các SV đã thể hiện ý kiến tích cực về tác động của việc sử dụng video lồng tiếng đối với phát âm của họ. Rất nhiều SV cho rằng video lồng tiếng đã giúp họ cải thiện khả năng phát âm.

SV 20: *Trước đây em không thể nói đuổi theo tốc độ nói của nhân vật trong phim nhưng sau khi nghe cô giáo phản hồi và chỉ ra những vấn đề của em, em cảm thấy làm tốt hơn rất nhiều. (J2)*

SV 29: *Em đã từng nghĩ phát âm của mình tốt. Tuy nhiên, em nhận ra mình vẫn còn những vấn đề về phát âm sau khi xem video. Ngữ điệu (trong video) rất khác so với của em. Em sẽ xem nhiều video tiếng Anh hơn trong tương lai và học theo ngữ điệu của người bản ngữ. (J3)*

4.2.2. Thái độ tiêu cực đối với việc sử dụng lồng tiếng video.

10 SV có cảm giác tiêu cực trong hoạt động lồng tiếng video. Họ phản nản rằng họ cảm thấy buồn chán, khó chịu khi thực hiện hoạt động lồng tiếng cho video. Ví dụ:

SV4: *Em cảm thấy rất lúng túng khi không không thể theo kịp được tốc độ nói của các nhân vật trong video. (J1)*

Sau khi đọc báo cáo phản hồi này từ SV 4 (S4), giáo viên đã đưa ra đề xuất rằng SV nên giảm tốc độ bài nói xuống tốc độ thích hợp và sau đó khi đã quen thuộc sẽ tăng tốc độ dần lên.

SV11: *Em mất khá nhiều thời gian để hoàn thành một video lồng tiếng vừa ý, em cảm thấy mệt mỏi vì phải làm đi làm lại nhiều lần. (J2)*

SV17: *Mặc dù đoạn phim rất thú vị, nhưng sau vài lần thực hành, em cảm thấy hơi chán ạ. (J3)*

Giáo viên đã khuyến khích các SV này bằng cách đưa ra những nhận xét tích cực, cho thấy rằng họ đã làm rất tốt, phát âm của họ đã cải thiện như thế nào. Bên cạnh đó, giáo viên chia sẻ với họ rằng việc lồng tiếng lặp đi lặp lại một video sẽ giúp họ cải thiện khả năng phát âm, không chỉ vậy, kỹ năng nghe và vốn từ vựng cũng sẽ được cải thiện.

4.3. Đề xuất giải pháp

Nghiên cứu này cho thấy việc thực hiện lồng tiếng video trong các lớp học tiếng Anh là một trong số các yếu tố có tác động tích cực đến việc cải thiện khả năng phát âm của SV. Do đó, kết quả của nghiên cứu này khẳng định một lần nữa ý kiến của giới nghiên cứu rằng sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video là một trong những chiến lược hiệu quả để nâng cao trình độ thông thạo tiếng Anh. Nhóm tác giả đề xuất sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video trong việc giảng dạy và học các kỹ năng nói tiếng Anh cho SV không chuyên tiếng Anh. Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần cân nhắc những giải pháp khắc phục một vài hạn chế khi sử dụng kỹ thuật lồng tiếng video khi giảng dạy. Đối với những SV có phản hồi rằng khó theo kịp tốc độ nói của nhân vật trong video, giáo viên có thể gợi ý SV điều chỉnh tốc độ phát lại một cách thích hợp. Thứ hai, giáo viên nên khuyến khích SV của mình bằng cách đưa ra những phản hồi tích cực và hỗ trợ kịp thời. Cuối cùng, để SV luôn hào hứng với việc lồng tiếng video, giáo viên có thể linh hoạt giao bài tập lồng tiếng video theo cặp hoặc theo nhóm thay vì chỉ làm việc riêng lẻ như nghiên cứu này đã tiến hành.

Kết luận lại, không có một kỹ thuật hay phương pháp lý tưởng nào để dạy phát âm tiếng Anh nói riêng cũng như việc dạy tiếng Anh nói chung. Nhóm nghiên cứu đề xuất giáo viên có thể kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp hay khác vào hoạt động giảng dạy của mình để giúp cho SV cải thiện được tiếng Anh của mình, tạo sự hứng thú và đạt hiệu quả học tiếng Anh tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Burston, J., *Video dubbing projects in the foreign language curriculum*, Calico Journal, 79-92, 2005.
2. Clark, J. Spencer; Porath, Suzanne; Thiele, Julie; and Jobe, Morgan, *Action research*, NPP eBooks. 34, 2020.
3. Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., & Goodwin, J. M.. *Teaching pronunciation: A reference for teachers of English to speakers of other languages*, Cambridge University Press, 8-10, 1996.
4. Creswell, J. W., *Education research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research* (4e éd.), 2012.
5. Gilakjani, A. P., *A study of factors affecting EFL learners' English pronunciation learning and the strategies for instruction*, International Journal of Humanities and Social Science, 2(3), 119-128, 2012.
6. Karimzadeh, P., & Ghahroudi, M. R., *English animation dubbing based technique and Iranian intermediate EFL learners' nativelike pronunciation development*, International Journal of English Language Education, 5(2), 1-12, 2017.
7. Leong, L. M., & Ahmadi, S. M., *An analysis of factors influencing learners' English speaking skill*, International Journal of Research in English Education, 34- 41, 2017.
8. McBride and Schostak, J. F., *Understanding, designing and conducting qualitative research in education: Framing the Project*, Open University Press, 2017.
9. Pennington, M. C., & Richards, J. C., *Pronunciation revisited*, TESOL quarterly, 1986.